

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THU'
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2017/HNGĐ-ST

Ngày 01/12/2017

V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU' - TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiều.

2. Ông Phạm Đức Hiền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tho – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2017/QĐXX-ST ngày 09 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị C**, sinh năm 1975;

Nơi ĐKKHKT : Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: E3/74/2 ấp 5, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh **Phạm Đức Q**, sinh năm 1973;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Chị C vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q có mặt.

* Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1943.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2017, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt, tài liệu, chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn chị Đỗ Thị C trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Đức Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 22/9/1992. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận được đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống với nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau, bất hòa với nhau. Anh chị không tìm được biện pháp giải quyết mâu thuẫn nên chị đã bỏ vào miền Nam làm ăn, sinh sống. Anh chị đã ly thân nhau từ năm 2011 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: có 01 con chung là Phạm Đức Đ sinh ngày 03/6/1993 hiện nay đã trưởng thành, đã lấy vợ và tự lập được về kinh tế, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/Theo bản tự khai và tại phiên tòa, anh Phạm Đức Q trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn đúng như chị C trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do kinh tế không ổn định dẫn đến cãi nhau và đến năm 2011 chị C bỏ vào Miền Nam làm ăn không quan tâm gì đến anh. Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh, anh xác định vợ chồng không thể đoàn tụ cùng nhau được nên cũng đồng ý ly hôn. Về con chung và tài sản chung đúng như chị C trình bày và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*/ Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2017 với người làm chứng là bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của anh Phạm Đức Q), bà T trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung và tài sản chung đúng như chị C, anh Q đã trình bày. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận được đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống với nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã, bất hòa với nhau. Chị C đã bỏ về nhà vào miền Nam làm ăn, sinh sống và anh chị đã ly thân nhau từ năm 2011 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Gia đình bà đã động viên khuyên bảo anh chị nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Đến nay chị C có đơn xin ly hôn anh Q, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị C.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xử cho chị C và anh Q được thuận tình ly hôn. Về con chung không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống với nhau nhất là về kinh tế, không hiểu và thông cảm cho nhau nên không tìm được tiếng nói chung và cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng chấm dứt hôn nhân trên thực tế đã lâu, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tòa nhận thấy mâu thuẫn giữa chị C và anh Q là có thật, vợ chồng không thể đoàn tụ cùng nhau được nữa nên cần căn cứ vào Điều 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị C và anh Q được thuận tình ly hôn.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Đức Đ sinh ngày 03/6/1993 hiện nay đã trưởng thành và tự lập được về kinh tế, không đặt ra giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản: Vợ chồng chị C, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vợ chồng không cho ai vay tài sản gì và không vay ai tài sản gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 147; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Đỗ Thị C và anh Phạm Đức Q được thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung:

Chị Đỗ Thị C và anh Phạm Đức Q có 01 con chung là Phạm Đức Đ sinh ngày 03/6/1993 hiện nay đã trưởng thành và tự lập được về kinh tế, không đặt ra giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản:

Chị Đỗ Thị C và anh Phạm Đức Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí:

Chị Đỗ Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị C đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 002760 ngày 18/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành án phí.

Chị Đỗ Thị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh Phạm Đức Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 01/12/2017.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vũ Thư;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.
- Chi cục THA huyện Vũ Thư;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương